

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 351/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều D, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/8/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà D) trình bày:***

Bà D và ông T chung sống với nhau từ năm 1997, việc chung sống là tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền.

Trong thời gian chung sống, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, giữa bà D và ông T không còn tình cảm, không có hạnh phúc

nên đã không còn chung sống từ năm 1999 cho đến nay. Vì vậy, bà D xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 20/6/1998. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 18/8/2020, bị đơn (ông T) trình bày:*

Ông T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình chung sống, về việc không đăng ký kết hôn và có 01 con chung.

Về hôn nhân: Trước yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 20/6/1998. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Kiều D khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T về việc ly hôn. Ông T có nơi cư trú tại ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1997 việc chung sống tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Bà D xác định giữa bà D và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, không thể tự giải quyết được nên làm

đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T có ý kiến đồng ý ly hôn với bà D. Theo biên bản xác minh ngày 11/8/2020 của TAND huyện Dầu Tiếng tại UBND xã L xác nhận bà D và ông T không có đăng ký kết hôn. Việc bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 20/6/1998. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều D đối với ông Nguyễn Ngọc T về việc “ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Kiều D và ông Nguyễn Ngọc T.

1.2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 20/6/1998 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kiều D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033165 ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2020).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

PhạmNgọcTuyền